

ĐẶC ĐIỂM HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI DAO DI CƯ Ở THÔN HỢP THÀNH, XÃ EA MDRÓH, HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

LÊ THỊ THỎA

1. Đặt vấn đề

Theo số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009, dân tộc Dao ở nước ta có 751.067 người, cư trú ở miền núi trung du phía Bắc, Tây Nguyên và cả Đông Nam Bộ. Dân tộc này được các nhà khoa học xếp vào nhóm ngôn ngữ Hmông - Dao, gồm nhiều nhóm địa phương. Song, căn cứ vào đặc điểm văn hóa và trang phục, người Dao được chia thành 7 nhóm: Dao Đỏ, Dao Quần Chẹt, Dao Tiền, Dao Lô Gang, Dao Quần Trắng, Dao Thanh Y và Dao Tuyển.

Đắk Lắk một trong những tỉnh Tây Nguyên có khá đông người Dao di cư đến. Tính đến năm 2009, số người Dao ở tỉnh này là 15.303 người. Trong đó, huyện Cư M'gar là 6.825 người, chiếm 44,6% tổng số người Dao của tỉnh, sinh sống chủ yếu ở vùng nông thôn. Hợp Thành là một trong các thôn của xã Ea Mdróh thuộc huyện Cư M'gar có tới 95% người Dao, chủ yếu di cư từ các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh. Trong đó, bộ phận Dao Thanh Phán thuộc Dao Lô Gang có quê Quảng Ninh đã định cư ở Hợp Thành từ năm 1986, còn bộ phận Dao Lô Gang từ Lạng Sơn và Dao Đỏ từ Cao Bằng chuyển đến sau. Ban đầu, Hợp Thành là vùng rừng hoang vu và chỉ có vài hộ Dao đến ở; hiện nay người Dao ở đây đã tăng lên

thành 150 hộ, gồm các dòng họ Triệu, Lý, Đặng, Bàn. Theo thống kê sơ bộ, có 55 hộ mang họ Triệu, 33 hộ họ Lý, 21 hộ họ Đặng, 7 hộ họ Bàn. Các họ khác như Chè, Tắng... mỗi họ chỉ có 1 hộ. Người Dao ở đây vẫn giữ một số phong tục: cúng vào ngày Thanh minh, ăn tết Rằm tháng 7 âm lịch, ốm đau vẫn coi trọng cúng chữa bệnh. Ngoài ra, họ còn thực hiện các lễ cúng giải hạn, cúng cầu mùa... Song, các nghi lễ liên quan tới nông nghiệp thì hầu như đã bỏ nhiều, từ khi chuyển vào Tây Nguyên sinh sống không còn cúng rừng, cúng cơm mới như ở ngoài Bắc nữa. Điều kiện đất đai cho phép họ định cư, phát triển kinh tế hộ gia đình, chuyển đổi giống cây trồng cùng với áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nên đời sống của người Dao Hợp Thành tương đối ổn định.

Hôn nhân ở tộc người không chỉ thể hiện tính thiết chế xã hội và nghi lễ vòng đời người mà còn chứa đựng các giá trị văn hóa. Hôn nhân và các nghi lễ hôn nhân của người Dao cũng vậy, được đề cập trong nhiều công trình như *Lễ cưới người Dao Tuyển* của Trần Hữu Sơn (2001); *Các nghi lễ chủ yếu trong chu kỳ đời người của nhóm Dao Tiền ở Ba Bể, Bắc Kạn* của Lý Hành Sơn (2003); *Hôn nhân và gia đình các dân tộc Hmông, Dao ở hai tỉnh Lai Châu và Cao Bằng* [Đỗ Ngọc Tấn (Chủ biên), 2004]; *Hôn nhân và gia*

đình của người Dao Quần Chẹt truyền thống và biến đổi (Vũ Tuyết Lan, 2007). Song, các ấn phẩm ấy chỉ đề cập đến hôn nhân và nghi lễ hôn nhân của người Dao ở miền núi phía Bắc, còn về hôn nhân và các vấn đề khác liên quan đến người Dao ở Tây Nguyên thì chưa có nhiều bài viết. Từ khi chuyển cư tới thôn Hợp Thành thuộc xã Ea Mdróh, do sống trong môi trường mới với nhiều yếu tố tác động nên hôn nhân của người Dao biến đổi ít nhiều, thể hiện ở một số đặc điểm về quan niệm, nguyên tắc, tính chất và cả hình thức trong hôn nhân cũng như cách thức thực hiện các nghi lễ liên quan.

2. Đôi nét về đặc điểm hôn nhân của người Dao ở Hợp Thành trước di cư

Giống như nhiều tộc người, tập quán hôn nhân ở người Dao luôn tuân thủ các nguyên tắc ngoại hôn dòng họ và nội hôn tộc người. Ngoại hôn dòng họ quy định những người cùng huyết thống, cùng chung dòng họ thì cấm quan hệ hôn nhân. Ở người Dao Tiền chẳng hạn, nếu cùng một dòng họ thì phải sau 7 đến 9 đời tùy theo vòng tên đệm của từng dòng họ thì mới được phép kết hôn với nhau (Lý Hành Sơn, 2003). Phỏng vấn một số người Dao có tuổi ở thôn Hợp Thành như ông Đặng Văn Lâm, bà Lý Thị Tư... cho thấy, nguyên tắc ngoại hôn dòng họ ở người Dao được hình thành từ lâu đời trong cộng đồng. Theo đó, nghiêm cấm những người chung nhà thờ Tổ lấy nhau. Ngoài ra, đồng bào chỉ kết hôn trong phạm vi nội tộc người, tức kết hôn với người cùng dân tộc, không kết hôn với dân tộc khác bởi lý do đơn giản là cùng phong tục tập quán và ngôn ngữ sẽ hiểu nhau hơn là kết hôn với người khác tộc. Hơn nữa, hôn nhân nội tộc người còn nhằm lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống,

bản sắc cộng đồng tộc người. Qua kết quả nghiên cứu, trong bối cảnh hiện nay, hôn nhân nội tộc người vẫn là đặc điểm cơ bản trong hôn nhân của người Dao nói chung, người Dao di cư Hợp Thành nói riêng.

Theo quan niệm của người Dao, hôn nhân là việc hệ trọng trong cuộc đời mỗi người. Cha mẹ nào cũng mong muốn con cái đến tuổi trưởng thành được xây dựng gia đình, yên bề gia thất, theo quy luật “*Trai khôn dựng vợ/ Gái lớn gả chồng*”. Bởi vậy, dựng vợ, gả chồng cho con cái đã trở thành trách nhiệm của cha mẹ. Trên cơ sở đó, hôn nhân còn làm thay đổi địa vị xã hội của các thành viên trong cộng đồng, hình thành những mối quan hệ mới, cũng như mở rộng mạng lưới xã hội. Về độ tuổi kết hôn, theo quan niệm truyền thống của người Dao, nam ở độ tuổi 17 - 18, nữ có tuổi 15 - 16 là tốt nhất (Vũ Tuyết Lan, 2007). Những gia đình có kinh tế khá nhưng thiếu nhân lực sản xuất thì tuổi kết hôn của con cái thường khoảng 16 - 17 (Lý Hành Sơn, 2003). Như vậy, so với Luật Hôn nhân và Gia đình thì hơi sớm, nhưng nhu cầu về nhân lực lao động cho gia đình đã chi phối quan niệm về độ tuổi kết hôn của người Dao trước đây. Trường hợp nữ 21 - 22 tuổi mà chưa lập gia đình bị coi là muộn, quá lứa lỡ thì, không tránh khỏi sự dị nghị của hàng xóm xung quanh (Vũ Tuyết Lan, 2007). Vì vậy, tình trạng tảo hôn của người Dao ở Hợp Thành trước đây khi còn ở quê cũ vẫn luôn xảy ra.

Bên cạnh đó, hôn nhân áp đặt “*cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy*” cũng là quan niệm phổ biến của người Dao trước kia. Theo lời kể của những người già ở thôn Hợp Thành, kết quả hôn nhân của họ trước đây phần lớn

do cha mẹ ướm chọn bạn đời và thực hiện các nghi lễ cưới xin. Trong đó, ở bước ướm chọn, các bậc cha mẹ thường dựa vào một số tiêu chí, đặc biệt là về sức khỏe. Cha mẹ chọn con dâu, con rể bao giờ cũng phải chọn người khỏe mạnh, đồng thời: nam phải giỏi săn bắn, cày bừa và đi rừng; nữ cần khéo léo, biết thêu thùa, may vá... Vì thế, để được họ hàng khen ngợi và quý mến, gia đình nào cũng mong muốn chọn được nàng dâu khỏe mạnh, hiền lành, khéo léo, đảm đang, biết thu vén công việc; lấy được chàng rể có sức khỏe, khéo ăn, khéo nói, chăm làm; nếu không may gặp phải chàng rể lười nhác sẽ bị mọi người chê cười. Có thể thấy, tiêu chí lựa chọn bạn đời của người Dao vừa phụ thuộc vào sức khỏe để đảm đương công việc lao động chân tay, vừa coi trọng phẩm chất đạo đức. Ngoài ra, đời sống kinh tế hai bên gia đình trai gái cũng không được quá chênh lệch nhau.

Cũng như nhiều tộc người, hình thức hôn nhân một vợ một chồng vẫn là đặc điểm cơ bản trong hôn nhân của người Dao. Cho đến nay, dù cuộc hôn nhân do cha mẹ sắp đặt hay con trai con gái tự tìm hiểu thì các cặp vợ chồng người Dao sống với nhau khá hạnh phúc, hòa thuận, cùng chia sẻ chăm sóc nuôi dạy con cái. Song, trong cuộc sống muôn màu muôn vẻ, tùy từng hoàn cảnh mà cũng có trường hợp ngoại lệ, thường thấy trong hôn nhân ở người Dao. Cụ thể là trường hợp hai người kết hôn đã lâu mà không có con thì người chồng có thể lấy thêm vợ. Khi đó, người vợ cả sẽ đi hỏi vợ hai cho chồng, sau cưới hai người vợ vẫn ở chung một nhà. Qua nghiên cứu, trường hợp này chỉ thấy ở nam giới (với người chồng),

còn nữ giới (người vợ) thì chưa thấy tình trạng người chồng trước đồng ý hay cho phép vợ đi lấy người khác. Nếu xét về nhân cách, qua ví dụ trên, có thể thấy, đức tính của người phụ nữ Dao bao giờ cũng làm tròn bổn phận và trách nhiệm với gia đình nhà chồng, thu vén để gia đình êm ấm, hạnh phúc.

Tính chất trao đổi, mua bán trong hôn nhân đặc trưng nhất ở người Dao được thể hiện qua tục thách cưới bằng bạc trắng. Trước đây, bạc trắng là biểu tượng và vật chất không thể thiếu trong hôn nhân; người đàn ông Dao muốn cưới được vợ phải chuẩn bị đầy đủ số lượng bạc trắng, nếu không có thì phải tìm cách vay mượn anh em họ hàng. Bạc trắng là của hồi môn để cô gái về nhà chồng, giữ làm vật gia truyền sau này có con trai lại dùng để hỏi vợ cho con (Lý Hành Sơn, 2003). Bên cạnh đó, cô gái phải chuẩn bị may thêu quần áo cho bên gia đình nhà chồng, bố mẹ chồng và chồng sắp cưới mỗi người một bộ. Hiện nay, tục thách cưới bằng bạc trắng đã được thay thế bằng tiền mặt ở hầu hết các nhóm Dao, như vậy tính chất trao đổi mua bán trong hôn nhân vẫn không thay đổi, chỉ thay đổi về thể thức. Riêng người Dao di cư ở thôn Hợp Thành thì đã bỏ tục thách cưới bằng bạc trắng, thay vào đó là tiền mặt, các lễ vật bằng gạo, rượu, thịt... chỉ mang tính chất thực hiện các nghi lễ trước tổ tiên. Nhờ đó, nhà trai người Dao ở đây đã giảm bớt gánh nặng phải lo chuẩn bị các lễ vật thách cưới.

Có thể nói, nét độc đáo trong hôn nhân của người Dao thể hiện khá rõ ở quan niệm, nguyên tắc, hình thức và tính chất hôn nhân, vì thế, cũng sẽ thấy rõ trong khâu tổ chức hôn lễ.

3. Những biến đổi trong nghi lễ hôn nhân của người Dao ở Hợp Thành sau di cư

Như đã trình bày, Hợp Thành là nơi hội tụ nhiều tộc người thiểu số từ miền núi phía Bắc vào lập nghiệp, ngoài người Dao chiếm ưu thế về số lượng còn có các tộc người như Tày, Nùng, Thái cùng di cư đến, sống cộng cư với nhau trong phạm vi thôn. Trong khi đó, người Dao ở Hợp Thành lại gồm nhóm Dao Đỏ quê gốc ở Cao Bằng, bộ phận Dao Lô Gang đến từ Lạng Sơn và bộ phận Dao Thanh Phán có quê ở Quảng Ninh. Vì thế, nguyên tắc ngoại hôn dòng họ hiện nay đã mở rộng địa vực và phạm vi kết hôn. Thời điểm trước di cư, hôn nhân chủ yếu diễn ra giữa các dòng họ trong cùng bản cùng xã thì nay xu hướng hôn nhân giữa các dòng họ đa dạng hơn, các mối quan hệ hôn nhân mở rộng trên phạm vi liên tỉnh, liên vùng. Bởi mỗi nhóm Dao như Dao Đỏ, Dao Lô Gang hiện cư trú ở Hợp Thành có từ 2 đến 3 dòng họ trở lên cùng chuyển cư đến đây, làm cho quan hệ hôn nhân dựa trên nguyên tắc ngoại hôn dòng họ không chỉ được duy trì đối với những người Dao cùng nhóm và cùng quê với nhau mà còn ngoại hôn dòng họ giữa những nhóm Dao di cư đến từ các địa phương khác. Xu hướng hôn nhân hỗn hợp dân tộc cũng ngày càng phổ biến không chỉ giữa người Dao với người Kinh, giữa người Dao với nhiều dân tộc từ ngoài Bắc di cư vào đây mà còn giữa người Dao với người dân tộc đã sống lâu đời trên đất Tây Nguyên. Tại thôn Hợp Thành hiện có 17 trường hợp người Dao kết hôn với người khác tộc như: 2 trường hợp Dao kết hôn với Ê-đê, 1 trường hợp Dao kết hôn với Thái, 10 trường hợp Dao kết hôn với Tày, 4 trường hợp người Dao lấy người Kinh. Số

liệu này cho thấy, hôn nhân hỗn hợp đối với người Dao di cư ở thôn Hợp Thành ngày càng cởi mở và đa dạng.

Tư tưởng “*cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy*” và quan niệm kết hôn để có thêm người làm việc đã không ảnh hưởng đến kết quả hôn nhân của người Dao, bởi không còn phù hợp với xã hội và hoàn cảnh hiện tại của người Dao nói chung và người Dao ở thôn Hợp Thành nói riêng. Ngày nay, thanh niên Dao khi đến tuổi kết hôn thì tự tìm hiểu nhau, cha mẹ hiếm khi phải lo nhờ mai mối hoặc ướm chọn vợ, chọn chồng cho con cái nữa. Bên cạnh đó, trình độ học vấn và mức độ tiếp cận với các phương tiện thông tin đại chúng thuận lợi hơn, cũng tác động nhiều đến độ tuổi kết hôn của thanh niên Dao ở Hợp Thành. Nhờ vậy, độ tuổi kết hôn trung bình của người Dao ở đây được nâng lên, cụ thể là nam 20 tuổi, nữ 18 tuổi. Điều đó phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình hiện hành, đáp ứng được nhận thức hiện nay của đồng bào cho rằng kết hôn quá sớm, con cái chưa đủ kinh nghiệm làm ăn nên việc tạo lập cơ sở kinh tế độc lập sẽ trở thành gánh nặng cho gia đình. Hiện nay, các cuộc hôn nhân xuất phát từ tình yêu đôi lứa, do con cái tự tìm hiểu và quyết định, cha mẹ hoàn toàn ủng hộ và tôn trọng ý kiến của con cái. Đây là một trong những thay đổi quan trọng về tư tưởng và nhận thức của người Dao trong hôn nhân.

Ngoài ra, biến đổi trong hôn nhân của người Dao ở Hợp Thành còn thấy rõ trong cách thức thực hiện nghi lễ cưới xin. Nhìn chung, thời gian từ khâu chuẩn bị sau lễ đính hôn và ăn hỏi cho đến lễ cưới chính thức được rút ngắn. Trước đây phải mất từ 1 đến 2 năm để chuẩn bị cho lễ cưới, còn nay chỉ khoảng 6 tháng là lâu nhất. Hôn lễ hiện nay

của người Dao ở thôn Hợp Thành được tổ chức hai lần. Lần đầu diễn ra ở phạm vi hai gia đình nhà trai và nhà gái với nghi thức đón dâu cùng các lễ cúng bái đường, trình diện tổ tiên... vì vậy, cô dâu chú rể bắt buộc phải mặc trang phục truyền thống. Lần thứ hai được tổ chức ngay sau đó với sự tham dự của tất cả họ hàng và bạn bè thân thiết đến chia vui, ở lần này thì cô dâu chú rể mặc trang phục hiện đại, buổi lễ diễn ra với các nghi thức theo kịch bản của Ban tổ chức.

Lễ cưới hiện nay của người Dao ở Hợp Thành có sự đa dạng giữa hai nhóm Dao Đỏ và Dao Lô Gang. Mỗi nhóm có sự khác biệt đôi chút về cách thức thực hiện nghi lễ và quy mô đám cưới. Trong đó, ở nhóm Dao Đỏ có vẻ trầm hơn so với nhóm Dao Lô Gang, do còn giữ được nhiều yếu tố truyền thống. Chẳng hạn, tục lấy rể, tức cưới rể đời, vẫn còn duy trì, điển hình là gia đình ông Triệu Tiến Thọ người Dao Đỏ có 2 con gái lấy rể đời. Theo đó, lễ cưới chỉ tổ chức ở bên nhà gái và nhà gái tự lo cỗ cưới. Tuy không có tục thách cưới nhưng theo thỏa thuận giữa hai gia đình thì nhà gái đưa cho nhà trai 10 triệu đồng (tương đương với hai chỉ vàng), rồi chú rể tự về nhà gái trước hôm làm lễ cưới. Cỗ cưới do gia đình tự nấu, tự chuẩn bị, ít thuê nhà hàng như nhóm Dao Lô Gang. Trong khi đó, lễ cưới của người Dao Lô Gang thì thuê trọn gói nhà hàng của người Kinh chuyên làm cỗ cưới. Dựa vào số lượng khách mời và kinh phí gia đình yêu cầu, nhà hàng tư vấn và lên thực đơn cho phù hợp, gia đình cũng có thể chế biến thêm vài món ăn truyền thống của dân tộc để góp thêm sự phong phú vào thực đơn. Đồ uống bao gồm rượu vang, bia, nước ngọt, không

uống rượu trắng như ngoài Bắc. Đồ hôn lễ thêm sôi động và cũng là trào lưu tổ chức đám cưới hiện nay của người Dao di cư ở thôn Hợp Thành, đám cưới nào cũng có đạo diễn và kịch bản như thuê người dẫn chương trình (MC), thuê dàn nhạc sống... Giá thuê dàn nhạc dao động từ 1.800.000 đồng đến 2.000.000 đồng/ tiệc và thù lao người dẫn chương trình là 500.000đ/ tiệc. Trong khi đó, những người đồng tộc ở quê cũ ngoài Bắc lại tổ chức lễ cưới đơn giản hơn, không cầu kỳ và hình thức như người Dao di cư ở thôn Hợp Thành. Điều này chứng tỏ sự thay đổi cũng như ảnh hưởng của nếp sống trong môi trường cư trú mới tại Hợp Thành.

Như đã trình bày, hôn nhân hỗn hợp dân tộc đối với người Dao di cư ở Hợp Thành đang có xu hướng mở rộng, không còn phân biệt dân tộc và nguồn gốc xuất thân mà tất cả các trường hợp hôn nhân đều bình đẳng. Dù là hôn nhân khác tộc người nhưng phù hợp với tập quán, với Luật Hôn nhân và Gia đình đều được cộng đồng ủng hộ. Bên cạnh đó, một số kiêng kỵ hay tục rườm rà đã tinh giản, cụ thể như, dòng họ hay luật tục cộng đồng đã không còn can thiệp, phạt vạ với trường hợp kết hôn của các cô gái chưa hoang. Nếu tình trạng ly hôn là hiếm gặp ở người Dao Hợp Thành vào những năm trước, thì vài năm trở lại đây hiện tượng này đã xuất hiện, dù không phổ biến, song nó phản ánh những biến đổi trong hôn nhân của người Dao ở đây.

Có thể nói, một số điểm mới trong nghi lễ hôn nhân mang giá trị tích cực đã được người Dao ở nơi đây tiếp thu, vận dụng linh hoạt cho phù hợp với nếp sống mới.

Trong đó, thời gian tổ chức hôn lễ được rút ngắn tối đa, tham dự lễ cưới không chỉ có người đồng tộc mà còn có sự chia sẻ của người khác tộc cùng sinh sống trong thôn, trong xã hoặc huyện khác trong tỉnh cũng như người thân, họ hàng nơi quê cũ ngoài Bắc đến chia vui với gia đình...

Một vài nhận xét

- Hôn nhân và nghi lễ hôn nhân của người Dao di cư ở thôn Hợp Thành ngoài vai trò giữ gìn đặc điểm văn hóa tộc người Dao, còn có vai trò làm phong phú văn hóa vùng Tây Nguyên. Những yếu tố mang tính tâm linh, liên quan đến tín ngưỡng và tập tục, cái cốt lõi khi thực hiện hôn lễ vẫn còn đậm nét. Đó là lễ cúng bái đường và lễ lại mặt, việc mặc trang phục truyền thống khi bái đường, hay như tục cưới rể đời vẫn được duy trì. Nhờ vậy, hôn nhân và nghi lễ hôn nhân của người Dao di cư ở thôn Hợp Thành vừa thể hiện cái riêng bản sắc văn hóa vùng miền núi phía Bắc, đồng thời, vừa góp thêm vào bức tranh văn hóa vùng Tây Nguyên trở nên đa dạng và phong phú. Thông qua đó, bản sắc của tộc người Dao được giữ gìn, phát huy trong môi trường mới ở Tây Nguyên và trong quá trình giao lưu và hội nhập là điều đáng trân trọng.

- Bên cạnh vai trò và ý nghĩa giữ gìn đặc điểm văn hóa tộc người, thông qua hôn nhân và nghi lễ hôn nhân còn thể hiện sự tương trợ và củng cố tình đoàn kết dòng họ, cộng đồng thôn làng. Thực tế cho thấy, hôn nhân là sợi dây gắn kết các dòng họ với nhau, trên cơ sở hôn nhân, mạng lưới quan hệ xã hội được mở rộng, từ đó tạo cơ hội tương trợ nhau khi gặp khó khăn, coi lợi ích của mỗi cá nhân cũng là lợi ích của cộng

đồng. Điều này càng có ý nghĩa hơn khi đồng bào chuyển cư đến Tây Nguyên, tại nơi ở mới không chỉ có riêng một nhóm Dao từ một địa phương mà còn có rất nhiều nhóm Dao khác từ nhiều địa phương ngoài Bắc cùng di cư đến. Chính việc kết hôn giữa các dòng họ của các nhóm Dao từ nhiều địa phương cùng với hôn nhân hỗn hợp dân tộc đóng vai trò khá quan trọng trong hình thành khối đại đoàn kết dân tộc không những giữa tộc người Dao với nhau mà còn với các tộc người khác, kể cả với tộc người tại chỗ đã sinh sống lâu đời ở Tây Nguyên. Trong bối cảnh hội nhập hiện nay, hôn nhân đã trở thành cầu nối củng cố mối quan hệ tộc người không chỉ trong phạm vi vùng mà là liên vùng với nhau.

- Thêm vào đó, hôn nhân và nghi lễ hôn nhân của người Dao di cư ở thôn Hợp Thành còn là cơ sở để giáo dục lớp trẻ hiểu về phong tục tập quán tộc người khi thực hành các nghi lễ truyền thống. Từ đó, nâng cao ý thức cho mỗi cá nhân tôn trọng thực hành văn hóa của cộng đồng bởi vốn tri thức của thế hệ trẻ người Dao về các giá trị văn hóa truyền thống đang ngày càng mờ nhạt. Hơn nữa, trong trường hợp hôn nhân hỗn hợp dân tộc, hôn nhân và nghi lễ hôn nhân còn có ý nghĩa chia sẻ văn hóa giữa tộc người này với tộc người khác. Theo phương thức này, văn hóa của tộc người Dao cũng như người Dao di cư ở Hợp Thành có cơ sở duy trì, khuếch tán, khẳng định sức sống lâu bền khi tồn tại bên cạnh nhiều nền văn hóa khác.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Quang Hoan, Hùng Đình Quý (Chủ biên) (1999), *Văn hóa truyền thống của người Dao ở Hà Giang*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

2. Vũ Tuyết Lan (2007), *Hôn nhân và gia đình của người Dao Quần Chẹt truyền thống và biến đổi (nghiên cứu trường hợp xóm Mạ, xã Tu Lý, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình)*, Báo cáo tập sự, Viện Dân tộc học, Hà Nội.

3. Lý Dương Liễu (2004), *Người Dao ở Lạng Sơn*, Sở Văn hóa - Thông tin Lạng Sơn.

4. Lý Hành Sơn (2003), *Các nghi lễ chủ yếu trong chu kỳ đời người của nhóm Dao Tiền ở Ba Bể, Bắc Kạn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. Trần Hữu Sơn (Chủ biên) (2001), *Lễ cưới người Dao Tuyển*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

6. Đỗ Ngọc Tấn (Chủ biên) (2004), *Hôn nhân và gia đình các dân tộc Hmông, Dao ở hai tỉnh Lai Châu và Cao Bằng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Nguyễn Bá Thủy (2004), *Di dân tự do của đồng bào Tày, Nùng, Hmông, Dao từ Cao Bằng, Lạng Sơn vào Đắk Lắk (1986 - 2000)*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.



Lễ cúng quy tụ trong hôn nhân của người Dao ở thôn Hợp Thành, xã Ea Mdróh, huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk

Ảnh: Lê Thị Thỏa